

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc, Bà Lường Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2023/TLST - HNGĐ ngày 02-3-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28-3-2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG), sinh năm 1991. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn T, sinh năm 1993. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: Bản CV, xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Anh T hiện đang điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên hòa giải nguyên đơn chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) trình bày:

Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) và anh Lò Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lò Văn T nghiện ma túy, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh Lò Văn T đang điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị

nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Chị N (NG) xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) và anh Lò Văn T có 02 con chung: Cháu Lò AT, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Lò ATT, sinh ngày 20/6/2017. Chị N (NG) đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N (NG) không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N (NG) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị N (NG) cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Lò Văn T trình bày (Có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La):

Anh Lò Văn T và chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 anh T nghiện ma túy. Vợ chồng chung sống với nhau không xảy ra mâu thuẫn gì. Hiện nay anh Lò Văn T đang điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) có 02 con chung: Cháu Lò AT, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Lò ATT, sinh ngày 20/6/2017.

Anh T không nhất trí ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh T cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị N (NG) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến trong biên bản ghi lời khai và tại phiên hòa giải.

Anh Lò Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La): Anh T giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai và tại phiên hòa giải.

Biên bản xác minh ngày 14/3/2023 tại chính quyền địa phương: Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) và anh Lò Văn T chung sống với

nhau có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lò Văn T nghiện ma túy. Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) và anh Lò Văn T có 02 con chung. Hiện tại hai cháu đang sống cùng chị N (NG).

Biên bản ghi ý kiến của cháu Lò AT, sinh ngày 17/7/2013: Cháu Lò AT có nguyện vọng muốn ở với chị Quàng Thị N (NG).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Về tình cảm: Xử cho chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) được ly hôn anh Lò Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lò AT, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Lò ATT, sinh ngày 20/6/2017 cho chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quàng Thị N (NG) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T có hộ khẩu thường trú tại bản CV, xã ME, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn

La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG), bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) và anh Lò Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lò Văn T hiện đang điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Tình cảm vợ chồng không còn, chị N (NG) yêu cầu ly hôn anh Lò Văn T.

Anh Lò Văn T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG).

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, tại phiên hòa giải cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị N (NG) và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, bỏ bê không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chị N (NG) đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N (NG) và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) ly hôn với anh Lò Văn T.

[3] Về con chung: Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) và anh Lò Văn T có 02 con chung là cháu Lò AT, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Lò ATT, sinh ngày 20/6/2017. Hiện tại cả hai cháu đang sống cùng chị N (NG).

Chị N (NG) đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu. Anh T không yêu cầu giải quyết về con chung do anh không nhất trí ly hôn.

Xét thấy: Anh Lò Văn T đang điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La nên không có khả năng và điều kiện nuôi con. Ý kiến của cháu Lò AT có nguyện vọng muốn ở với chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG). Cháu Lò AT và cháu Lò ATT sống cùng chị N (NG) luôn đảm bảo sự phát triển tốt về mọi mặt của các cháu. Chị N (NG) có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Do đó, cần giao cháu Lò AT và cháu Lò ATT cho chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị N (NG), anh T cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG). Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò AT, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Lò ATT, sinh ngày 20/6/2017 cho chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con)

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị N (NG), anh T cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG). Hoàn trả chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0003222, ngày 02 tháng 3 năm 2023.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị N (tên gọi khác: Quàng Thị NG), anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Nghĩa